

PHỤ LỤC 1

Vật tư thiết bị thanh lý đợt 2 năm 2026 không thuộc chất thải nguy hại

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
I	Kho Văn Phòng Công ty cơ sở 1					
1	2.05.01.040.VIE.00.B10	Đoạn thân trụ 4m	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
2	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15.584,45	
3	2.71.00.000.VIE.00.B10	Nhôm phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	103,40	
4	3.02.20.014.VIE.00.B10	Trụ BTLT 6M TH	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
5	3.02.20.119.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m (phần ngọn)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
6	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
7	3.02.20.906.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
8	3.02.50.920.VIE.00.B10	Trụ sắt thu hồi + bù lon	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11.774,00	
9	3.02.70.030.VIE.00.B10	Tháp đầu trụ 3 mét	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
10	3.06.20.709.VIE.00.B10	Đà sắt L75-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
11	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
12	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
13	3.06.20.798.VIE.00.B10	Đà Sắt V50X50X5-1000mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
14	3.06.20.822.VIE.00.B10	xà trên 2000mm	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
15	3.06.20.825.VIE.00.B10	xà dưới 2500mm	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
16	3.06.30.764.VIE.00.B10	Đà L75x75x8x2200mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
17	3.06.40.504.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X720 MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
18	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
19	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
20	3.06.50.247.VIE.00.B10	Collier cáp quang phi 200	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
21	3.06.50.413.VIE.00.B10	Collier ghép trụ ĐK 400	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,50	
22	3.06.60.084.VIE.00.B10	Giá đỡ tự bù trung thế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
23	3.06.60.350.VIE.00.B10	Giá chùm treo máy biến áp <= 3x50KVA	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
24	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	41,00	
25	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	202,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
26	3.20.31.154.VIE.00.B10	Kẹp định vị ACSR 185/29	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	80,00	
27	3.20.31.801.000.00.B10	Kẹp 3 boulon các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00	
28	3.20.45.169.VIE.00.B10	Vòng treo đầu tròn (Socket clevis)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	72,00	
29	3.20.45.178.VIE.00.B10	Mắc nối điều chỉnh (Sag link)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00	
30	3.20.50.001.VIE.00.B10	GU DÔNG U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00	
31	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	69,00	
32	3.20.60.000.000.00.B10	KHÓA ĐỖ DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
33	3.20.60.184.VIE.00.B10	Khóa néo ép dây ACSR 185/29	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
34	3.20.60.190.VIE.00.B10	Khóa đỡ dây ACSR 185/29	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
35	3.20.60.209.VIE.00.B10	Khóa néo ép dây ACKP 240/39	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
36	3.20.60.506.CHN.00.B10	Khóa đỡ DCS	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
37	3.20.60.506.VIE.00.B10	Khóa đỡ DCS	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00	
38	3.20.60.797.VIE.00.B10	KHÓA ĐỖ DÂY	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
39	3.20.60.910.VIE.00.B10	Khoá đỡ dây cáp quang	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
40	3.20.61.050.VIE.00.B10	Khoá néo nêo dây chống sét	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
41	3.20.65.000.VIE.00.B10	Mắc nối trung gian	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
42	3.20.65.123.000.00.B10	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
43	3.20.65.140.VIE.00.B10	Khánh tam giác đơn L=200 70kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
44	3.20.65.141.VIE.00.B10	Khánh tam giác đơn L=300 70kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
45	3.20.65.155.VIE.00.B10	Khánh vuông đơn L=300 70kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
46	3.20.65.185.VIE.00.B10	Tạ chống rung cho dây AC 185mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	174,00	
47	3.20.65.724.VIE.00.B10	Tạ chống rung dây dẫn ACSR 185	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	77,00	
48	3.20.65.850.VIE.00.B10	Tạ chống rung DCS TK50	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
49	3.20.65.950.CHN.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
50	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
51	3.20.65.951.CHN.00.B10	Mắc nối kép	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
52	3.20.65.951.VIE.00.B10	Mắc nối kép	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
53	3.20.65.959.000.00.B10	Tạ chống rung dây dẫn ACSR 240/39 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00	
54	3.20.65.960.000.00.B10	Tạ chống rung dây dẫn ACSR 240/32 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
55	3.20.65.963.VIE.00.B10	Mắc nối chuyển hướng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	114,00	
56	3.42.24.600.000.00.D10	Máy cắt (LBS) 24KV	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	
57	3.42.72.118.GER.00.B10	Máy cắt (CB) 123kV, 3P, 1250A, 31.5kA/1s cách điện khí SF6 và trọn bộ phụ kiện kèm theo	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
58	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00	
59	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
60	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
61	3.53.65.025.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 25-50/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
62	3.53.65.075.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 75-150/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
63	3.53.65.120.MEX.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 100-200/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
64	3.53.65.145.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
65	3.53.65.153.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 200-400/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
66	3.56.60.000.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
67	3.56.60.056.VIE.00.B10	Biến điện áp TU 24kV 22000/√3/110/√3V-15VA CCX 0,5 epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
68	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
69	3.56.60.225.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3V 15VA CCX0,5 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
70	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
71	3.62.95.497.VIE.00.B10	Vỏ tủ điện sắt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
72	3.70.85.120.000.00.B10	Cách điện Polymer 110kV 120kN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
73	3.70.85.250.000.00.B10	Cách điện polymer 110kV, 70KN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00	
74	3.80.42.351.VIE.00.B10	Cáp quang ADSS - 350M- 24 sợi	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.000,00	
75	3.80.42.726.VIE.00.B10	Cáp quang OPGW 50	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	360,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
76	3.80.88.006.VIE.00.B10	Yếm cáp giáp nứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
77	3.80.88.016.VIE.00.B10	Khánh đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	60,00	
78	4.82.38.001.000.00.B10	Khớp nối	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
79	4.94.80.860.VIE.00.B10	Cánh cửa nhựa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
80	5.26.00.023.000.00.B10	Cuppen thắng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
81	5.28.20.001.VIE.00.B10	Ma ní	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
82	5.95.00.016.000.00.D10	Van các loại	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	
83	8.90.30.001.000.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
84	8.90.30.001.VIE.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
85	8.90.90.030.000.00.B10	Đầu bảo khối	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
86	8.90.90.181.VIE.00.B10	Ổ chia nước PCCC (2 chạc)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
87	3.80.42.210.000.00.B10	Optical fibre groundwire OPGW50	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	330,00	
88	3.80.42.726.VIE.00.B10	Cáp quang OPGW 50	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	43,00	
II Điện lực Trảng Bom						
1	3.02.20.516.VIE.00.B10	Trụ BTLT 14m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
2	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
3	3.02.20.907.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 7-8 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
4	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ếp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
5	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,00	
6	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
7	3.10.88.001.KOR.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00	
8	3.10.88.132.VIE.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00	
9	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	49,00	
10	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00	
11	3.20.05.990.VIE.00.B10	NỐI ÉP NHÔM CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00	
12	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
13	3.20.22.151.VIE.00.B10	KẸP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	100,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
14	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
15	3.20.22.430.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
16	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
17	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
18	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
19	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00	
20	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM ² (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	70,00	
21	3.20.61.240.VIE.00.B10	KHÓA NÉO DÂY AC 240 MM ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
22	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
23	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
24	3.20.80.001.000.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
25	3.20.80.002.000.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG NHÔM CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
26	3.30.22.001.VIE.00.B10	FCO (KHÔNG Có CẦN) PHỄ LIỆU	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
27	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
28	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
29	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00	
30	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
31	3.46.15.125.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
32	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
33	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
34	3.46.15.400.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
35	3.46.15.630.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
36	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	85,00	
37	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
38	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
39	3.56.60.015.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 12000/120V 15VA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
40	3.56.60.056.VIE.00.B10	Biến điện áp TU 24kV 22000/√3/110/√3V-15VA CCX 0,5 epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
41	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
42	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
43	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
44	3.80.88.006.VIE.00.B10	Yếm cáp giáp nứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
45	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
46	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	92,00	
47	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00	
48	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
49	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
50	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
51	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
52	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
53	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
54	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NỨ CÁP NHÔM BQC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00	
55	5.65.35.003.SWE.00.B10	Cửa máy cầm tay chạy xăng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
56	8.34.54.005.000.00.B10	Kích căng dây	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
57	8.34.54.107.VIE.00.B10	Kích tăng dây 1T	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
58	8.34.84.004.VIE.00.B10	Thang nhôm rút	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
59	8.90.20.017.VIE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
60	8.90.30.001.VIE.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
61	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	30.071,00	
III Điện lực Định Quán						
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
2	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
3	3.02.20.516.VIE.00.B10	Trụ BTLT 14m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
4	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ếp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
5	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ếp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
6	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3 ếp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
7	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ếp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
8	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4 ếp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
9	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,00	
10	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
11	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
12	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	122,00	
13	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kể phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	61,22	
14	3.06.50.117.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
15	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
16	3.06.60.080.VIE.00.B10	Giá L bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
17	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
18	3.06.60.725.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3*25KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
19	3.06.60.750.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3X 50kva	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
20	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	111,00	
21	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
22	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
23	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
24	3.06.80.520.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50X5 -2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
25	3.06.80.530.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50x5-3000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
26	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
27	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
28	3.10.88.020.000.00.B10	Sứ treo polymer các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
29	3.10.88.132.000.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
30	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
31	3.10.92.870.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 870mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
32	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
33	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.923,00	
34	3.20.22.142.VIE.00.B10	Hotline 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
35	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
36	3.20.22.430.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	210,00	
37	3.20.22.431.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
38	3.20.22.459.000.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50-95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	181,00	
39	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	138,00	
40	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
41	3.20.32.052.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	53,00	
42	3.20.32.096.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 95	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	226,00	
43	3.20.50.160.VIE.00.B10	Móc treo chữ A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
44	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	90,00	
45	3.20.53.042.VIE.00.B10	KẸP GÓC ĐỖ DÂY 70 MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
46	3.20.53.071.VIE.00.B10	Giáp núu dây bọc ACX 70/11	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00	
47	3.20.53.185.VIE.00.B10	Giáp núu dây ACX 185mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
48	3.20.60.094.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-120mm2 (5U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00	
49	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	249,00	
50	3.20.65.005.VIE.00.B10	Vòng treo VT-16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
51	3.20.80.002.000.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG NHÔM CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
52	3.20.80.759.000.00.B10	ĐẦU COSSE HẠ THỂ MBA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
53	3.20.84.185.VIE.00.B10	Đầu cosse ép đồng 185mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
54	3.30.14.762.VIE.00.B10	CẦU CHỈ CÁ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00	
55	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
56	3.38.95.010.000.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	146,00	
57	3.42.26.001.000.00.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
58	3.42.80.351.000.0 0.B10	Chống sét van (LA) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
59	3.46.13.226.000.0 0.B10	MCB các loại PL	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.926,00	
60	3.46.15.125.FRA. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
61	3.46.15.160.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
62	3.46.15.200.ITA. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
63	3.46.15.250.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
64	3.46.15.250.FRA. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
65	3.46.15.250.ITA. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
66	3.46.15.250.KOR. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
67	3.46.15.400.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
68	3.46.15.400.KOR. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
69	3.46.15.630.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
70	3.46.15.630.ITA. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
71	3.53.05.000.000.0 0.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	66,00	
72	3.53.65.000.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
73	3.56.60.000.000.0 0.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
74	3.60.05.020.VIE. 00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
75	3.60.90.030.VIE. 00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	201,00	
76	3.60.90.100.VIE. 00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
77	3.60.90.103.VIE. 00.B10	Hộp 1 công-tơ 3 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
78	3.62.95.003.VIE. 00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
79	3.80.42.112.VIE. 00.B10	Cáp quang treo 24 sợi	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	170,00	
80	4.38.00.054.VIE. 00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	49,00	
81	4.38.00.060.VIE. 00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
82	4.38.00.061.VIE. 00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
83	4.38.00.063.VIE. 00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	66,00	
84	4.38.00.065.VIE. 00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	109,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
85	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
86	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
87	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00	
88	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	282,00	
89	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	100,00	
90	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	931,00	
91	4.90.21.096.000.00.B10	Ống nhựa PVC các loại	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
92	4.90.31.044.000.00.B10	Ống xoắn ruột gà ĐK110	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
93	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
94	4.90.80.015.VIE.00.B10	Móc nhựa ngừng cáp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
95	4.90.80.044.VIE.00.B10	Khâu VRN ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
96	4.90.80.114.000.00.B10	KHÂU VRT DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
97	5.18.00.001.VIE.00.B10	Motor	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
98	5.20.00.003.000.00.B10	Bugì xe phê liệu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
99	5.26.00.043.000.00.B10	Má phanh trước	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
100	5.38.00.115.000.00.B10	Bạc đạn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
101	8.90.30.001.USA.00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00	
102	3.60.05.020.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	195,00	
103	3.60.05.020.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	228,00	
104	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	40.418,00	
105	3.60.05.022.VIE.00.C60	Điện kế 1P2D 20-80A 220V CV141 (box CU)	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	10,00	
106	3.60.05.610.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	1,00	
IV Điện lực Xuân Lộc						
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
2	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
3	3.02.20.922.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
4	3.02.20.924.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
5	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	52,70	
6	2.76.81.005.000.00.B10	Dây chì các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,53	
7	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,33	
8	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dê các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
9	3.06.50.117.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
10	3.06.50.910.VIE.00.B10	ỐP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
11	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
12	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
13	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
14	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	155,00	
15	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00	
16	3.10.88.132.000.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
17	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
18	3.20.22.000.000.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.331,00	
19	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
20	3.20.22.142.VIE.00.B10	Hotline 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
21	3.20.22.429.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	244,00	
22	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	131,00	
23	3.20.22.976.VIE.00.B10	Kẹp AC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	114,00	
24	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
25	3.20.24.000.VIE.00.B10	Kẹp quai các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	189,00	
26	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	361,00	
27	3.20.31.015.VIE.00.B10	ÓC XIẾT CÁP THÉP	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	731,00	
28	3.20.50.160.VIE.00.B10	Móc treo chữ A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00	
29	3.20.51.000.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
30	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
31	3.20.80.001.VIE.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
32	3.20.80.759.000.0 0.B10	ĐẦU COSSE HẠ THỂ MBA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
33	3.30.14.762.VIE. 00.B10	CẦU CHÌ CÁ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
34	3.30.22.000.000.0 0.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00	
35	3.38.95.010.000.0 0.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
36	3.42.26.001.000.0 0.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
37	3.46.05.032.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	639,00	
38	3.46.05.063.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
39	3.46.10.032.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	134,00	
40	3.46.10.063.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
41	3.46.14.020.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 20A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
42	3.46.14.032.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
43	3.46.14.063.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
44	3.46.14.080.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
45	3.46.15.100.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
46	3.46.15.125.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
47	3.46.15.131.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
48	3.46.15.160.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
49	3.46.15.200.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
50	3.46.15.250.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
51	3.46.15.320.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
52	3.46.15.630.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
53	3.53.05.000.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
54	3.53.05.150.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
55	3.53.05.325.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A-5VA-CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
56	3.53.05.327.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
57	3.53.05.328.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
58	3.53.12.771.000.0 0.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
59	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
60	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
61	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
62	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
63	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
64	3.60.90.046.VIE.00.B10	Thùng sắt đựng điện kế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
65	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
66	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
67	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	514,00	
68	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00	
69	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	271,00	
70	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
71	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
72	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
73	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	293,00	
74	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,00	
75	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
76	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
77	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
78	4.90.51.090.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
79	4.90.51.114.VIE.00.B10	Co nhựa góc 90 độ ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
80	4.90.57.006.VIE.00.B10	Co lơi ĐK90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
81	3.60.05.019.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	108,00	
82	3.60.05.019.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	2.418,00	
83	3.60.05.019.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	8.385,00	
84	3.60.25.010.VIE.00.A80	Điện kế 3P4D 10-20A 220/380V MV3E4	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,00	
V	Điện lực Cẩm Mỹ					

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
1	3.02.20.082.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 8.5m-200kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
2	3.02.20.926.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
3	3.02.20.927.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
4	3.02.20.125.VIE.00.B10	TRỤ BTLT DUL 12m-540kgf	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00	
5	3.06.20.664.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8-2000mm 4 ốp	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00	
6	3.06.20.709.VIE.00.B10	Đà sắt L75-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
7	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00	
8	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà Fe 2,0 mét 3 ốp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
9	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà Fe 2,1 mét 3 ốp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
10	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
11	3.06.40.030.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 40x4-700MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
12	3.06.40.032.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-700MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
13	3.06.40.033.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-790MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00	
14	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
15	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5-1190mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
16	3.06.40.500.VIE.00.B10	Thanh chống L50X710 MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00	
17	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00	
18	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	125,90	
19	2.50.05.000.VIE.00.B10	Cáp thép phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	393,70	
20	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
21	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00	
22	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
23	3.06.80.913.VIE.00.B10	Bass L+I bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00	
24	3.10.88.001.000.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	52,00	
25	3.10.88.011.VIE.00.B10	BẮT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	96,00	
26	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	210,00	
27	3.10.92.870.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 870mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	41,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
28	3.10.93.500.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 500mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
29	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
30	3.10.93.722.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
31	3.10.94.722.000.00.B10	Ty sứ đỉnh cong 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
32	3.10.94.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh cong 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
33	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	143,00	
34	3.20.22.151.VIE.00.B10	KỆP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.215,00	
35	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
36	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	93,00	
37	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
38	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00	
39	3.20.23.470.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X70 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	304,00	
40	3.20.23.495.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00	
41	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	123,00	
42	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
43	3.20.31.912.VIE.00.B10	Kẹp yên ngựa F912	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
44	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	180,00	
45	3.20.50.160.VIE.00.B10	Móc treo chữ A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	88,00	
46	3.20.53.110.VIE.00.B10	Giáp nùi dây bọc 50mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00	
47	3.20.55.751.VIE.00.B10	Giáp nùi dưng dây ACXH 70mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
48	3.20.60.049.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 50-70 mm2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	135,00	
49	3.20.65.005.VIE.00.B10	Vòng treo VT-16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00	
50	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00	
51	3.20.74.612.VIE.00.B10	ỐNG CHẰNG LỆCH DK60 * 1,2M	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00	
52	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	708,00	
53	3.20.80.500.VIE.00.B10	Đầu cosse hạ thế máy biến áp 50KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
54	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
55	3.38.05.002.000.00.B10	Cầu dao 2P 250v 30A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
56	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
57	3.46.05.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
58	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	108,00	
59	3.46.10.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
60	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
61	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	147,00	
62	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
63	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
64	3.46.15.200.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
65	3.46.15.400.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
66	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00	
67	3.53.12.771.000.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
68	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
69	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
70	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
71	3.62.95.003.VIE.00.B10	Tủ trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
72	3.80.88.372.VIE.00.B10	Yếm thép mạ kẽm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	230,00	
73	4.38.00.028.VIE.00.B10	Bu lông 12x40	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
74	4.38.00.046.VIE.00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
75	4.38.00.048.VIE.00.B10	Bu lông 14x250	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
76	4.38.00.049.VIE.00.B10	Bu lông 14x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
77	4.38.00.053.VIE.00.B10	Bu lông 16x40	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00	
78	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	163,00	
79	4.38.00.061.VIE.00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
80	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	430,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
81	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	232,00	
82	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
83	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	63,00	
84	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	172,00	
85	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
86	4.38.50.007.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00	
87	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	263,00	
88	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	125,00	
89	8.90.20.023.VIE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
90	8.90.20.090.VIE.00.B10	Dây quang trụ chính	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
91	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
92	3.60.05.019.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	46,00	
93	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14.136,00	
94	3.60.25.030.VIE.00.C60	Điện kế 3P4D 30-60A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi có thể phục hồi	1,00	
95	3.06.20.733.VIE.00.A80	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ống)	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	2,00	
96	3.06.30.186.VIE.00.A80	ĐÀ SẮT MẠ KẼM U160 - 2400MM	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	2,00	
97	3.06.30.372.VIE.00.A80	Đà sắt mạ kẽm U160x64x5 - 2200mm	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	2,00	
98	3.06.40.140.VIE.00.A80	Đà sắt U140-2500MM	Cây	Hàng thu hồi có thể sử dụng	2,00	
99	3.06.40.528.VIE.00.A80	Thanh chống đà sắt L50x50x5 - 700MM	Cây	Hàng thu hồi có thể sử dụng	6,00	
100	3.06.60.750.VIE.00.A80	GIA TREO MBA 3X 50kva	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	2,00	
101	3.20.45.016.000.00.A80	Mắc nối đơn MN1-16	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	13,00	
102	3.20.65.005.VIE.00.A80	Vòng treo VT-16	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	15,00	
103	3.30.92.065.000.00.A80	Dây chì (FUSE LINK) 65A	Sợi	Hàng thu hồi có thể sử dụng	3,00	
104	3.46.14.125.KOR.00.A80	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	3,00	
105	3.46.15.125.GER.00.A80	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	2,00	
106	3.46.15.125.ITA.00.A80	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng	1,00	
VI	Điện lực Dầu Giấy					

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
1	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
2	3.02.20.909.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
3	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,00	
4	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00	
5	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00	
6	3.06.20.725.VIE.00.B10	Đà sắt 75-2600MM (3 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
7	3.06.20.733.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 -2400MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
8	3.06.20.740.VIE.00.B10	Đà L75x75x8 - 1700MM(2ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
9	3.06.30.713.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2200MM (4ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
10	3.06.30.764.VIE.00.B10	Đà L75x75x8x2200mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	64,00	
11	3.06.40.095.VIE.00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	97,00	
12	3.06.40.115.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00	
13	3.06.40.502.VIE.00.B10	Thanh chống V 50x50x5-920MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00	
14	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
15	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00	
16	3.06.40.593.VIE.00.B10	Thanh chống L50x50x5 - 810MM	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	183,00	
17	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
18	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
19	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	318,00	
20	3.10.93.630.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 630mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	95,00	
21	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
22	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	59,00	
23	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	236,00	
24	3.20.51.000.VIE.00.B10	Móc treo cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
25	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	564,00	
26	3.20.60.000.000.00.B10	KHÓA ĐỖ DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
27	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	269,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
28	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
29	3.20.70.300.VIE.00.B10	MÁNG CHE DÂY CHẰNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00	
30	3.20.74.612.VIE.00.B10	ỐNG CHẰNG LỆCH DK60 * 1,2M	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
31	3.20.74.615.VIE.00.B10	ỐNG CHẰNG LỆCH DK60 * 1,5M	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
32	3.20.75.011.VIE.00.B10	Yếm cable	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	164,00	
33	3.20.94.009.VIE.00.B10	HỘP PP ĐIỆN 9CB RỒNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
34	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
35	3.30.66.001.VIE.00.B10	Chì + DÂY Chì	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,68	
36	3.34.40.001.000.00.B10	Công tắc điều khiển	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
37	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	68,00	
38	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	245,00	
39	3.46.05.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00	
40	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,00	
41	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	478,00	
42	3.46.10.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
43	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	61,00	
44	3.46.14.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00	
45	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
46	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
47	3.46.14.075.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
48	3.46.14.080.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
49	3.46.14.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
50	3.46.15.131.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
51	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00	
52	3.53.05.333.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 800/5A 5VA CCX 0.5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
53	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
54	3.53.65.147.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 30-60/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
55	3.53.65.730.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
56	3.53.65.745.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 25-50/5A 10VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
57	3.56.60.000.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
58	3.56.60.056.VIE.00.B10	Biến điện áp TU 24kV 22000/√3/110/√3V-15VA CCX 0,5 epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
59	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
60	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
61	3.56.90.505.VIE.00.B10	MBA cấp nguồn 12700/220V 1000VA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
62	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	73,00	
63	3.60.90.100.VIE.00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
64	3.66.90.011.000.00.B10	Kèn xe phê liệu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
65	3.80.88.379.VIE.00.B10	Bộ tập trung (DCU)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
66	4.38.00.054.VIE.00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	358,00	
67	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	346,00	
68	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	67,00	
69	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
70	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
71	4.38.00.068.VIE.00.B10	Bu lông 16x450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
72	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	122,00	
73	4.38.10.006.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16X450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
74	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	97,00	
75	4.38.50.007.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
76	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
77	4.70.00.000.VIE.00.B10	Long đèn các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,01	
78	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	634,00	
79	4.82.11.084.CHN.00.B10	Mặt bích	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
80	4.94.70.010.VIE.00.B10	Ghế xoay	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
81	4.94.70.055.VIE.00.B10	Ghế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
82	4.94.70.120.VIE.00.B10	Giường sắt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
83	4.94.70.158.VIE.00.B10	Ghế chân Quỳ xi inox	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
84	4.94.70.290.VIE.00.B10	Giường xếp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
85	4.94.70.294.VIE.00.B10	Ghế inox bọc nệm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
86	4.94.80.511.VIE.00.B10	Vòi lavabo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
87	4.94.80.535.VIE.00.B10	Vòi nước	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
88	5.19.04.050.VIE.00.B10	Van nước D50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
89	5.20.00.025.000.00.B10	Mâm ép ambraya	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
90	5.20.00.043.000.00.B10	Đĩa côn xe ô tô	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
91	5.20.00.165.000.00.B10	Bộ ly hợp từ máy nén khí điều hòa (phụ tùng ô tô)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
92	5.38.00.115.VIE.00.B10	Bạc đạn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
93	5.38.51.049.000.00.B10	Piston	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
94	8.90.90.040.VIE.00.B10	Tủ báo cháy trung tâm Networ 8 zone	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
95	3.10.88.132.VIE.00.B10	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	408,00	
96	3.20.45.169.VIE.00.B10	Vòng treo đầu tròn (Socket clevis)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	205,00	
97	3.10.88.020.000.00.B10	Sứ treo polymer các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00	
98	5.01.64.001.000.00.B10	Vòng bi	Vòng	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
99	5.20.00.280.VIE.00.B10	Xy lanh tổng côn trên	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
100	5.26.24.015.VIE.00.B10	Phụ tùng xe nâng (bóng hơi)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
101	3.60.05.019.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	44,00	
102	3.60.05.020.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,00	
103	3.60.05.020.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	852,00	
104	3.60.05.610.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,00	
VII	Điện lực Trị An					
1	3.06.20.725.VIE.00.B10	Đà sắt 75-2600MM (3 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
2	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
3	3.06.60.965.VIE.00.B10	BAT SẮT CHỮ T	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
4	3.06.80.907.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50-2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
5	3.06.80.908.VIE.00.B10	CÂY SẮT V 50X5-2500MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
6	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00	
7	3.10.93.720.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
8	3.10.93.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
9	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
10	3.20.22.300.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
11	3.20.24.000.VIE.00.B10	Kẹp quai các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
12	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
13	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
14	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	145,00	
15	3.20.94.006.VIE.00.B10	HỘP PP ĐIỆN 6CB RỎNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
16	3.20.94.010.VIE.00.B10	HỘP PHÂN PHỐI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
17	3.30.14.762.VIE.00.B10	CẦU CHỈ CÁ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
18	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
19	3.30.80.001.VIE.00.B10	Cản FCO 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
20	3.42.80.020.000.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
21	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
22	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	139,00	
23	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
24	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,00	
25	3.46.14.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
26	3.46.14.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
27	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
28	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
29	3.46.14.080.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
30	3.46.14.080.VIE. 00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
31	3.46.15.150.JPN. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
32	3.46.15.200.JPN. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
33	3.46.15.250.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
34	3.10.88.001.VIE. 00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
35	3.53.05.000.000.0 0.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	47,00	
36	3.53.05.000.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00	
37	3.53.65.000.000.0 0.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
38	3.53.65.000.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
39	3.56.60.000.000.0 0.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00	
40	3.56.60.000.VIE. 00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
41	2.76.81.009.VIE. 00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,72	
42	3.60.90.030.VIE. 00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
43	4.38.00.065.VIE. 00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
44	4.38.50.008.VIE. 00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
45	4.82.80.009.VIE. 00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
46	4.90.21.095.VIE. 00.B10	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,40	
47	4.94.70.010.VIE. 00.B10	Ghế xoay	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
48	4.94.70.296.VIE. 00.B10	Ghế sắt bọc nệm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
49	5.20.00.081.000.0 0.B10	Motor kính cửa xe	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
50	5.20.00.125.000.0 0.D10	Kết giàn lạnh xe ô tô	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	
51	5.20.00.202.000.0 0.B10	Cơ cấu nâng hạ kính xe	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
52	5.20.00.203.000.0 0.B10	Tay mở cửa ngoài xe	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
53	5.38.00.115.VIE. 00.B10	Bạc đạn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
54	8.32.92.155.VIE. 00.B10	Máy bơm nước 5,5HP	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
55	8.90.30.001.000.0 0.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	29,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
56	8.34.34.007.000.00.B10	Puly xe	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
57	8.40.05.020.VIE.00.B10	Bình khí nén 120 lít	Bình	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
58	5.05.65.005.000.00.D10	Chổi than	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	
59	8.90.10.006.000.00.B10	Sào tiếp địa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
60	8.90.20.009.000.00.B10	Dây đai an toàn	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
61	8.90.20.017.TPE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00	
62	3.60.05.020.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	467,00	
63	3.60.05.020.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	2.952,00	
64	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12.397,00	
65	3.60.05.610.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	5,00	
66	3.60.05.610.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	237,00	
67	3.60.25.050.VIE.00.C60	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	3,00	
VIII Điện lực Long Bình						
1	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50 - 810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00	
2	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	491,70	
3	2.50.05.509.VIE.00.B10	Cáp thép chẳng 5/8"	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	9,00	
4	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	9,00	
5	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng	16,50	
6	3.06.60.948.VIE.00.B10	Giá lắp chữ T	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00	
7	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	76,00	
8	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	6,00	
9	3.20.22.151.VIE.00.B10	KẸP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	324,00	
10	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00	
11	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV - ABC tự treo 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00	
12	3.20.23.450.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV - ABC tự treo 4X50 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00	
13	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	10,00	
14	3.20.61.053.VIE.00.B10	KHÓA NÉO DÂY AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	20,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
15	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	8,00	
16	3.25.70.302.VIE.00.B10	Đầu cáp ngầm trong nhà 3x240mm ²	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng	8,00	
17	3.30.22.100.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV - 100A porcelain	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	21,00	
18	3.30.22.500.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	17,00	
19	3.38.95.003.VIE.00.B10	CẦU DAO HẠ THỂ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	84,00	
20	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00	
21	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	94,00	
22	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	691,00	
23	3.46.10.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	5,00	
24	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	39,00	
25	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	20,00	
26	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	20,00	
27	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	35,00	
28	3.46.14.100.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00	
29	3.46.15.075.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00	
30	3.46.15.131.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00	
31	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00	
32	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	27,00	
33	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	15,00	
34	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00	
35	3.56.60.225.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3V 15VA CCX0,5 (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	3,00	
36	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00	
37	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cáp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00	
38	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00	
39	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÚI CÁP NHÔM BỌC 240MM ²	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00	
40	4.94.70.010.VIE.00.B10	Ghế xoay	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	4,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
41	4.94.70.032.000.00.B10	Quạt đứng	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng	1,00	
42	4.94.70.055.VIE.00.B10	Ghế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng	2,00	
43	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	14.117,00	
44	3.60.25.050.VIE.00.C60	Công tơ cơ 3P4W 50(100)A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	20,00	
IX	Điện lực Long Khánh					
1	3.02.20.087.VIE.00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
2	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
3	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
4	3.02.20.923.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	51,00	
5	3.02.20.926.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
6	3.02.20.927.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 9-10 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	39,00	
7	3.02.20.928.VIE.00.B10	Trụ BTLT DUL CẮT GỐC 10-11 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
8	3.02.20.948.VIE.00.B10	Trụ bê tông 12m cắt góc (8- 9 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
9	3.02.20.949.VIE.00.B10	Trụ bê tông 12m cắt góc (9-10 mét)	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00	
10	3.06.20.415.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x5-2600mm-0 ốp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
11	3.06.20.711.VIE.00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
12	3.06.20.712.VIE.00.B10	Đà sắt L75-1200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
13	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
14	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
15	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
16	3.06.20.725.VIE.00.B10	Đà sắt 75-2600MM (3 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
17	3.06.20.783.VIE.00.B10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
18	3.06.30.004.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
19	3.06.30.101.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KỀM U100-400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
20	3.06.30.208.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KỀM U200-2800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
21	3.06.40.502.VIE.00.B10	Thanh chống V 50x50x5-920MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
22	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	61,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
23	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
24	3.06.80.118.VIE.00.B10	Thanh chống các loại phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,60	
25	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.726,08	
26	2.71.00.000.VIE.00.B10	Nhôm phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,50	
27	3.06.50.000.VIE.00.B10	Cổ dê các loại	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	120,00	
28	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00	
29	3.06.60.154.VIE.00.B10	GIÁ T BẮT FCO-LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
30	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	602,00	
31	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	73,00	
32	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	67,00	
33	3.06.80.913.VIE.00.B10	Bass L+I bắt FCO+LA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
34	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	108,00	
35	3.10.88.011.VIE.00.B10	BẮT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
36	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	214,00	
37	3.10.92.213.VIE.00.B10	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
38	3.10.92.720.VIE.00.B10	CHÂN SỨ ĐỈNH 720MM (BỘ C CHỈ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
39	3.20.22.041.VIE.00.B10	Ốc xiết cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00	
40	3.20.22.412.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	109,00	
41	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
42	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	336,00	
43	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	70,00	
44	3.20.23.450.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X50 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	557,00	
45	3.20.23.495.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00	
46	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
47	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	73,00	
48	3.20.31.033.VIE.00.B10	Kẹp hotline	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	64,00	
49	3.20.31.054.VIE.00.B10	Kẹp cáp nhôm AC 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
50	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.752,00	
51	3.20.31.095.000.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-50 mm2 (2 Boulon)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.953,00	
52	3.20.31.098.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-95	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	79,00	
53	3.20.32.071.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
54	3.20.32.096.VIE.00.B10	Kẹp Ubolt AC 95	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	319,00	
55	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	258,00	
56	3.20.50.160.VIE.00.B10	Móc treo chữ A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	64,00	
57	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	204,00	
58	3.20.53.031.VIE.00.B10	KẸP DÂY CHẰNG 5/8	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	52,00	
59	3.20.53.240.VIE.00.B10	Giáp niu dừng dây ACX 240mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00	
60	3.20.60.049.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 50-70 mm2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	54,00	
61	3.20.60.094.VIE.00.B10	Khóa néo ngừng dây ACSR 95-120mm2 (5U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
62	3.20.74.060.VIE.00.B10	BỘ CHẰNG LỆCH D60-1200MM	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
63	3.20.75.010.VIE.00.B10	Kẹp chằng 3 Boulon	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
64	3.20.75.603.VIE.00.B10	Dây buộc cổ sứ đơn cho dây 70mm2 (đỡ góc)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
65	3.25.94.119.VIE.00.B10	Chụp đầu cáp ngầm 3x240mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
66	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
67	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
68	3.42.80.020.VIE.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
69	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	677,00	
70	3.46.05.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
71	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.500,00	
72	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	112,00	
73	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	43,00	
74	3.46.14.080.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
75	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
76	3.46.14.100.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
77	3.46.15.050.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
78	3.46.15.100.JPN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
79	3.46.15.100.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
80	3.46.15.160.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
81	3.46.15.250.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
82	3.46.15.250.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
83	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
84	3.46.15.400.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
85	3.46.15.800.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
86	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
87	3.53.05.325.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A-5VA-CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
88	3.53.05.328.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
89	3.53.05.330.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
90	3.53.05.332.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 600/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
91	3.53.05.342.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 1500/5A 15VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
92	3.53.05.821.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 1200/5A 15VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
93	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00	
94	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
95	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
96	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
97	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
98	3.60.90.009.VIE.00.B10	Thùng điện kế hiển thị trạm giản	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
99	3.60.90.030.VIE.00.B10	Thùng điện kế nhựa 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	66,00	
100	3.60.90.045.VIE.00.B10	Thùng sắt các loại phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
101	3.60.90.046.VIE.00.B10	Thùng sắt đựng điện kế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
102	3.62.95.003.VIE.00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
103	3.62.96.003.ITA. 00.B10	Tủ tụ bù hạ thế ứng động loại 3 cấp bù (không có tụ bù)	Tủ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
104	3.80.88.006.VIE. 00.B10	Yếm cáp giáp nứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	88,00	
105	3.80.88.016.VIE. 00.B10	Khánh đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00	
106	3.80.88.376.VIE. 00.B10	yếm cáp 5/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
107	4.38.00.030.VIE. 00.B10	Bu lông 12x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
108	4.38.00.046.VIE. 00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
109	4.38.00.047.VIE. 00.B10	Bu lông 14x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	99,00	
110	4.38.00.054.VIE. 00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	226,00	
111	4.38.00.061.VIE. 00.B10	Bu lông 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	143,00	
112	4.38.00.063.VIE. 00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.094,00	
113	4.38.00.065.VIE. 00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	415,00	
114	4.38.00.066.VIE. 00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
115	4.38.00.067.VIE. 00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
116	4.38.10.002.VIE. 00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00	
117	4.38.10.003.VIE. 00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
118	4.38.10.005.VIE. 00.B10	Bu lông VRS 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,00	
119	4.38.10.006.VIE. 00.B10	Bu lông VRS 16X450	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	28,00	
120	4.38.10.007.VIE. 00.B10	Bu lông VRS 16X500	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
121	4.38.10.024.VIE. 00.B10	Bulon VRS 16x750	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00	
122	4.38.30.002.VIE. 00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	59,00	
123	4.38.30.003.VIE. 00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
124	4.38.50.007.VIE. 00.B10	Bu lông móc 16x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	106,00	
125	4.38.50.008.VIE. 00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	500,00	
126	4.38.50.009.VIE. 00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	230,00	
127	4.70.21.016.VIE. 00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 16	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	106,00	
128	4.70.21.018.VIE. 00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2.191,00	
129	4.82.80.009.VIE. 00.B10	Giáp nứ cáp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
130	4.82.80.050.VIE.00.B10	GIÁP NÚU CÁP NHÔM BỌC 50MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
131	4.82.80.070.VIE.00.B10	GIÁP NÚU CÁP NHÔM BỌC 70MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
132	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÚU CÁP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
133	4.82.80.259.VIE.00.B10	Giáp núu cáp nhôm bọc 24kV-150mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
134	4.82.80.285.VIE.00.B10	Giáp núu cáp nhôm bọc 24kV - 185mm2	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
135	4.90.21.095.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	384,20	
136	4.90.31.000.VIE.00.B10	Ống nhựa	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,20	
137	4.94.70.040.000.00.B10	Khung sắt (các loại)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
138	5.38.51.053.VIE.00.B10	Bơm nước	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
139	5.44.80.216.VIE.00.B10	ĐAI INOX 1M2 + KHÓA ĐAI	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
140	2.76.81.000.VIE.00.B10	Dây chầy các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
141	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kể phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,70	
142	3.30.14.762.VIE.00.B10	CẦU CHỈ CÁ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
143	3.30.22.000.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
144	3.30.22.101.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 100A Polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00	
145	3.38.01.060.VIE.00.B10	Cầu dao 1 pha 60A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	64,00	
146	3.60.05.020.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	7,00	
147	3.60.05.020.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	252,00	
148	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3.681,00	
149	3.60.05.610.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	1,00	
150	3.60.05.610.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	67,00	
151	3.60.25.050.VIE.00.C60	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	6,00	
X	Điện lực Nhơn Trạch					
1	3.02.20.071.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
2	3.02.20.904.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
3	3.02.20.905.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
4	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5.224,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
5	2.46.06.090.VIE.00.B10	Ông sắt ĐK 90mm	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
6	2.76.81.000.000.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00	
7	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phé liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	42,83	
8	3.06.60.901.VIE.00.B10	Khung đỡ 1 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
9	3.06.60.903.VIE.00.B10	Khung đỡ 3 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	88,00	
10	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00	
11	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
12	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
13	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
14	3.20.22.142.VIE.00.B10	Hotline 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
15	3.20.22.151.VIE.00.B10	KỆP NỐI DÂY CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00	
16	3.20.22.428.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	48,00	
17	3.20.22.429.VIE.00.B10	Kẹp treo cáp ABC cỡ 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
18	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00	
19	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00	
20	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
21	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
22	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
23	3.20.31.092.VIE.00.B10	Kẹp nối bọc cách điện IPC 95-35	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	962,00	
24	3.20.50.016.VIE.00.B10	Móc treo chữ U DK 16	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
25	3.20.53.003.VIE.00.B10	KỆP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	192,00	
26	3.20.61.052.VIE.00.B10	KHÓA NÉO 50MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	57,00	
27	3.20.70.300.VIE.00.B10	MÁNG CHE DÂY CHẰNG	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
28	3.20.80.001.VIE.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
29	3.20.84.120.VIE.00.B10	Đầu cosse ép đồng 120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
30	3.20.84.300.VIE.00.B10	Đầu cosse ép đồng 300mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
31	3.30.22.101.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 15/27KV 100A Polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
32	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
33	3.42.26.800.VIE.00.B10	LTD 24KV 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
34	3.42.80.020.000.00.B10	LA 18kV-10kA polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
35	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	128,00	
36	3.46.05.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	280,00	
37	3.46.05.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	46,00	
38	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00	
39	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	140,00	
40	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00	
41	3.46.14.063.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
42	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
43	3.46.14.080.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
44	3.46.15.100.JPN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00	
45	3.46.15.125.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
46	3.46.15.150.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
47	3.46.15.150.JPN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	31,00	
48	3.46.15.160.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
49	3.46.15.200.JPN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
50	3.46.15.250.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
51	3.46.15.250.JPN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
52	3.46.15.250.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
53	3.46.15.320.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
54	3.46.15.320.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
55	3.46.15.400.GER.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
56	3.46.15.400.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
57	3.46.15.500.JPN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 500A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
58	3.46.15.630.CHN.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vô dúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
59	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
60	3.53.05.325.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 100/5A-5VA-CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
61	3.53.05.327.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
62	3.53.05.328.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
63	3.53.05.329.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 300/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
64	3.53.05.330.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
65	3.53.05.342.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 1500/5A 15VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
66	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
67	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
68	3.53.65.145.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
69	3.53.65.152.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 150-300/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
70	3.53.65.162.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 250-500/5A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
71	3.53.65.163.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 300-600/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
72	3.53.65.740.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
73	3.53.65.745.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 25-50/5A 10VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
74	3.56.60.056.VIE.00.B10	Biến điện áp TU 24kV 22000/√3/110/√3V-15VA CCX 0,5 epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
75	3.56.60.100.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
76	3.56.60.224.VIE.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA-CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
77	3.56.90.505.VIE.00.B10	MBA cấp nguồn 12700/220V 1000VA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
78	3.60.05.610.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00	
79	3.62.95.071.VIE.00.B10	Tủ điện kế 3pha điện tử	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
80	3.62.95.267.VIE.00.B10	Tủ điều khiển tự bù + dây đấu nối	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
81	3.62.95.379.VIE.00.B10	Thùng điện kế MCCB	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
82	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIÀN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
83	3.80.88.375.VIE.00.B10	yếm cấp 3/8"	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
84	4.38.00.060.VIE.00.B10	Bu lông 16x150	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00	
85	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	156,00	
86	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	58,00	
87	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
88	4.38.10.004.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
89	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00	
90	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	26,00	
91	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	27,00	
92	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00	
93	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NỨU CÁP NHÔM BQC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
94	4.84.04.001.VIE.00.B10	Ổ khóa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
95	4.84.04.011.000.00.B10	Ổ khóa cửa tròn	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
96	4.90.21.114.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
97	4.94.80.110.VIE.00.B10	Dây+vòi xịt toilet	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
98	5.19.90.005.VIE.00.B10	Van an toàn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
99	5.38.00.115.KOR.00.B10	Bạc đạn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
100	8.25.41.001.VIE.00.B10	Kéo cắt dây	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
101	8.32.42.006.THA.00.B10	Máy cắt cỏ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
102	8.34.54.005.000.00.B10	Kích căng dây	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
103	8.34.84.024.CHN.00.B10	Thang nhôm rút 3,8m	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
104	5.18.00.001.VIE.00.B10	Motor	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
105	8.25.43.007.000.00.B10	Kềm ép các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
106	8.90.10.006.000.00.B10	Sào tiếp địa	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
107	3.60.05.020.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	223,00	
108	3.60.05.020.VIE.00.C60	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	946,00	
109	3.60.05.020.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	11.192,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
110	3.60.25.050.VIE.00.C60	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	46,00	
XI	Điện lực Long Thành					
1	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
2	3.02.20.131.VIE.00.B10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
3	3.02.20.903.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 3-4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
4	3.02.20.908.VIE.00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
5	3.06.20.072.VIE.00.B10	Đà sắt L75x75x8 - 2000mm (3 ốp)	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
6	3.06.20.709.VIE.00.B10	Đà sắt L75-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
7	3.06.20.718.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8- 1660MM (2 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
8	3.06.20.721.VIE.00.B10	Đà sắt đơn L75x8x2100MM (3ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
9	3.06.20.722.VIE.00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
10	3.06.20.829.VIE.00.B10	Đà sắt L75x8x2600 (1 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
11	3.06.30.108.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM U100-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
12	3.06.30.169.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM U160-2800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
13	3.06.30.700.VIE.00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM L75-2200MM (2ỚP)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
14	3.06.40.127.VIE.00.B10	Thanh chống 40x40x710mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
15	3.06.40.497.VIE.00.B10	Thanh chống sắt đẹp 50x6-720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
16	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	61,00	
17	3.06.40.509.VIE.00.B10	Thanh chống L50 X5X 1990MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
18	3.06.40.510.VIE.00.B10	Thanh chống L50X1150MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
19	3.06.40.520.VIE.00.B10	Thanh chống L50 - 2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
20	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	303,70	
21	2.46.06.024.VIE.00.B10	Ống sắt tráng kẽm ĐK 21mm	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
22	2.46.06.058.VIE.00.B10	Ống sắt tráng kẽm ĐK 60mm	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
23	2.46.06.063.VIE.00.B10	Ống chằng lệch đk 60 x1,2m	Ống	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
24	2.76.81.000.000.00.B10	Dây chày các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	309,00	
25	2.76.81.009.VIE.00.B10	Dây chì + Chì niêm điện kế phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	86,08	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
26	3.06.50.022.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 21	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
27	3.06.50.060.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 60	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
28	3.06.50.910.VIE.00.B10	ÓP ỐNG DK 90	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	16,00	
29	3.06.60.725.VIE.00.B10	GIA TREO MBA 3*25KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
30	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
31	3.06.60.964.VIE.00.B10	Bat LI bắt LA,FCO	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
32	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	149,00	
33	3.10.88.011.VIE.00.B10	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	99,00	
34	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	65,00	
35	3.10.93.500.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 500mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
36	3.10.93.650.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 650mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
37	3.10.93.720.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh 720mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
38	3.10.93.870.VIE.00.B10	Ty sứ đỉnh thẳng 870mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00	
39	3.20.17.000.VIE.00.B10	Thanh đồng các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,80	
40	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	100,00	
41	3.20.22.020.VIE.00.B10	ỐC XIẾT CÁP CU 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
42	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	168,00	
43	3.20.22.142.VIE.00.B10	Hotline 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
44	3.20.22.375.000.00.B10	Kẹp ngừng cáp M35-75 -3U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
45	3.20.22.450.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x50mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
46	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
47	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
48	3.20.22.703.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 5U 120-240	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
49	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
50	3.20.23.450.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X50 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
51	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	147,00	
52	3.20.24.004.VIE.00.B10	Kẹp quai 4/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
53	3.20.31.054.VIE.00.B10	Kẹp cáp nhôm AC 50-70	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
54	3.20.50.955.VIE.00.B10	Móc treo chữ U	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
55	3.20.53.003.VIE.00.B10	KẸP CÁP 3 BOULON	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	354,00	
56	3.20.53.195.VIE.00.B10	Giáp nít cáp ACX 95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
57	3.20.61.053.VIE.00.B10	Khóa néo dây AC 50-70 MM2 (3U)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	150,00	
58	3.20.80.001.VIE.00.B10	ĐẦU COSSE ĐỒNG CÁC LOẠI	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
59	3.30.22.000.000.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00	
60	3.38.95.010.000.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
61	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
62	3.42.05.630.VIE.00.B10	Dao cách ly (DS) 24kV 630A 1P	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
63	3.42.05.631.VIE.00.B10	Dao cách ly (DS) 3 pha 24KV 630A	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
64	3.42.26.001.000.00.B10	LTD các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	
65	3.42.80.351.000.00.B10	Chống sét van (LA) các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
66	3.46.05.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1.091,00	
67	3.46.05.051.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
68	3.46.05.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00	
69	3.46.10.032.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	934,00	
70	3.46.10.040.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
71	3.46.10.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	18,00	
72	3.46.10.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
73	3.46.14.050.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	40,00	
74	3.46.14.063.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
75	3.46.14.075.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
76	3.46.14.080.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00	
77	3.46.14.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
78	3.46.14.125.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
79	3.46.15.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
80	3.46.15.125.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 125A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
81	3.46.15.150.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 150A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
82	3.46.15.160.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
83	3.46.15.160.VIE. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 160A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
84	3.46.15.200.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 200A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
85	3.46.15.250.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
86	3.46.15.320.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 320A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
87	3.46.15.400.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
88	3.46.15.500.GER. 00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 500A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
89	3.46.15.630.000.0 0.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
90	3.53.05.000.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	56,00	
91	3.53.12.771.000.0 0.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	62,00	
92	3.53.65.000.VIE. 00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	103,00	
93	3.56.60.015.VIE. 00.B10	Biến điện áp (TU) 12000/120V 15VA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	9,00	
94	3.56.60.056.VIE. 00.B10	Biến điện áp TU 24kV 22000/√3/110/√3V-15VA CCX 0,5 epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
95	3.56.60.100.VIE. 00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	75,00	
96	3.56.60.224.VIE. 00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV 22000/√3/100/√3 V-15VA- CCX0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	35,00	
97	3.62.95.003.VIE. 00.B10	Thùng điện kế trạm treo	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
98	3.62.95.386.VIE. 00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIÀN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
99	3.66.90.005.VIE. 00.B10	Bugì	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
100	4.38.00.046.VIE. 00.B10	Bu lông 14x150	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
101	4.38.00.047.VIE. 00.B10	Bu lông 14x200	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
102	4.38.00.054.VIE. 00.B10	Bu lông 16x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	50,00	
103	4.38.00.063.VIE. 00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	56,00	
104	4.38.00.065.VIE. 00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
105	4.38.00.066.VIE. 00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
106	4.38.00.067.VIE.00.B10	Bu lông 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
107	4.38.10.002.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
108	4.38.10.003.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
109	4.38.10.005.VIE.00.B10	Bu lông VRS 16x400	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
110	4.38.30.002.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	32,00	
111	4.38.30.003.VIE.00.B10	Bu lông mắt 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	21,00	
112	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
113	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
114	4.82.80.009.000.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
115	4.82.80.050.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 50MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
116	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00	
117	4.90.21.090.VIE.00.B10	Ống nhựa tròn ĐK 90	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
118	4.90.21.096.VIE.00.B10	Ống nhựa PVC các loại	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
119	4.94.70.120.VIE.00.B10	Giường sắt	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
120	5.18.00.001.JPN.00.B10	Motor	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
121	5.22.00.013.000.00.B10	Bổ thắng sau	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
122	5.22.00.014.000.00.B10	Bổ thắng trước	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
123	5.26.00.020.000.00.B10	Heo ly hợp con	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
124	5.26.00.070.000.00.B10	Cuppen thắng sau	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
125	5.26.00.071.000.00.B10	Cuppen thắng trước	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
126	5.90.00.019.000.00.B10	Quạt gió phế liệu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
127	8.90.10.973.USA.00.B10	Sào tiếp địa trung thế	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
128	8.90.20.023.VIE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
129	8.90.20.024.000.00.B10	Dây choàng trụ phế liệu	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	11,00	
130	8.90.20.100.VIE.00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
131	3.60.05.010.VIE.00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CV141* (BOX AL)	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4.024,00	
132	3.60.05.011.VIE.00.A80	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CV141* (BOX CU-AL)	Cái	Hàng thu hồi có thể sử dụng được	224,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
133	3.60.05.024.VIE.00.C60	Điện kế 1P2D 20-80A 220V CV141 (BOX CU-AL)	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	22,00	
134	3.60.25.030.VIE.00.C60	Điện kế 3P4D 30-60A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	25,00	
135	3.60.25.050.VIE.00.C60	Điện kế 3P4W 50-100A 220/380V	Cái	Hàng thu hồi phục hồi được	85,00	
XII Xí nghiệp lưới điện cao thế						
1	2.05.01.040.VIE.00.B10	Đoạn thân trụ 4m	cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
2	3.02.20.014.VIE.00.B10	Trụ BTLT 6M TH	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
3	3.02.20.054.VIE.00.D10	Gốc trụ BTLT 5,5M	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	
4	3.02.20.059.VIE.00.B10	Trụ BTLT 5m	Cây	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
5	3.02.20.084.VIE.00.B10	TRỤ BTLT 8,4 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
6	3.02.20.087.VIE.00.D10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	2,00	
7	3.02.20.131.VIE.00.D10	Trụ BTLT 12m	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	27,00	
8	3.02.20.415.000.00.D10	Trụ BTLT 6,5m	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	4,00	
9	3.02.20.700.VIE.00.B10	Trụ BTLT 7m	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
10	3.02.20.904.VIE.00.D10	Trụ BTLT CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	
11	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	101.444,79	
12	2.65.00.000.VIE.00.B10	Đồng phế liệu các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	180,50	
13	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	94.982,00	
14	3.20.45.178.CHN.00.B10	Mắc nối điều chỉnh (Sag link)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
15	3.20.60.403.VIE.00.B10	Khóa đỡ dây ACSR 400/51	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
16	3.20.60.451.VIE.00.D10	Khóa néo dây AC 400/51	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	18,00	
17	3.20.60.913.VIE.00.B10	KHOÁ ĐỖ DÂY 185/29	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00	
18	3.20.65.119.CHN.00.B10	Tạ bù 50 kg (Counter weight 50 kg)	Bộ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
19	3.20.65.123.000.00.B10	Tạ chống rung dây chống sét	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
20	3.20.65.185.CHN.00.B10	Tạ chống rung cho dây AC 185mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
21	3.20.65.724.VIE.00.B10	Tạ chống rung dây dẫn ACSR 185	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	165,00	
22	3.20.65.950.VIE.00.B10	Mắc nối đơn	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
23	3.20.70.202.000.00.D10	Armour rod	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	24,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
24	3.20.80.757.000.0 0.B10	ĐẦU COSSE CAO THỂ MBA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
25	3.20.84.150.VIE. 00.B10	Đầu Cosse ép đồng 150mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
26	3.20.84.400.VIE. 00.D10	Đầu cosse ép đồng 400m2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	12,00	
27	3.20.84.500.VIE. 00.D10	Đầu cosse ép đồng 500mm2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	30,00	
28	3.25.70.900.000.0 0.B10	Đầu cáp ngầm trung thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
29	3.42.76.910.000.0 0.B10	MOTOR	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
30	3.42.80.096.000.0 0.D10	Chống sét van (LA) 96kV 10kA CL3	Bộ	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	
31	3.46.55.000.000.0 0.D10	Công tắc tơ	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	13,00	
32	4.94.70.010.VIE. 00.B10	Ghế xoay	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
XIII Điện lực Trấn Biên						
1	3.02.20.087.VIE. 00.B10	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
2	3.02.20.905.VIE. 00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	33,00	
3	3.02.20.908.VIE. 00.B10	Trụ BTLT CẮT GỐC 8-9 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
4	3.02.20.994.VIE. 00.B10	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
5	3.06.20.690.VIE. 00.B10	Đà sắt L75-3200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
6	3.06.20.711.VIE. 00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2000MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
7	3.06.20.712.VIE. 00.B10	Đà sắt L75-1200MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
8	3.06.20.722.VIE. 00.B10	Đà sắt L75-2200 MM (4 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00	
9	3.06.20.728.VIE. 00.B10	Đà sắt V 75x75x8-2800MM (không ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
10	3.06.20.783.VIE. 00.B10	Đà sắt V75x75x8-800MM (01 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
11	3.06.30.101.VIE. 00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM U100-400MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
12	3.06.30.108.VIE. 00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM U100-800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
13	3.06.30.208.VIE. 00.B10	ĐÀ SẮT MẠ KÈM U200-2800MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
14	3.06.30.728.VIE. 00.B10	Đà sắt V75x8x2600mm (3 ốp)	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
15	3.06.30.764.VIE. 00.B10	Đà L75x75x8x2200mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
16	3.06.40.095.VIE. 00.B10	Thanh chống sắt dẹt 50x5-810mm	Thanh	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
17	3.06.40.499.VIE. 00.B10	Thanh chống L50-800mm	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	20,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
18	3.06.40.506.VIE.00.B10	Thanh chống L50-810MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00	
19	3.06.80.072.VIE.00.B10	Thanh chống đà sắt dẹt 60x6-720MM	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
20	2.42.01.000.VIE.00.B10	Sắt phế liệu	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	15,00	
21	2.46.06.114.VIE.00.B10	Ống sắt tráng kẽm ĐK 114mm	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
22	2.76.81.005.VIE.00.B10	Dây chì các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	0,50	
23	3.06.50.117.VIE.00.B10	ỐP ỐNG ĐK 114	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
24	3.06.60.030.VIE.00.B10	Bát LL bắt LA+FCO	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	36,00	
25	3.06.60.084.VIE.00.B10	Giá đỡ tự bù trung thế	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
26	3.06.60.902.VIE.00.B10	Khung đỡ 2 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	22,00	
27	3.06.60.904.VIE.00.B10	Khung đỡ 4 sứ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	19,00	
28	3.10.88.001.VIE.00.B10	Sứ treo 24kV polymer	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
29	3.10.88.020.000.00.B10	Sứ treo polymer các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
30	3.10.92.024.VIE.00.B10	Ty sứ đứng 24KV	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
31	3.20.17.002.VIE.00.B10	Thanh cái đồng các loại	Kg	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,20	
32	3.20.17.125.VIE.00.B10	Thanh đồng nối cosse CB 800-1250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	6,00	
33	3.20.22.000.VIE.00.B10	Kẹp cáp ABC các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	179,00	
34	3.20.22.141.VIE.00.B10	Hotline 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	38,00	
35	3.20.22.470.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x70mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	23,00	
36	3.20.22.495.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
37	3.20.23.376.VIE.00.B10	Kẹp ngừng cáp 3U U50-120mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
38	3.20.23.412.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X120 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
39	3.20.23.470.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4X70 mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	13,00	
40	3.20.23.495.VIE.00.B10	Kẹp đỡ cáp LV-ABC tự treo 4x95mm2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	25,00	
41	3.20.24.002.VIE.00.B10	Kẹp quai 2/0	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
42	3.20.80.500.VIE.00.B10	Đầu cosse hạ thế máy biến áp 50KVA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
43	3.30.22.500.MEX.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
44	3.30.22.500.USA.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
45	3.30.22.500.VIE.00.B10	Cầu chì tự rơi (FCO) 27kV 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	14,00	
46	3.38.95.010.VIE.00.B10	Cầu dao thu hồi các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	172,00	
47	3.42.26.630.USA.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
48	3.42.26.630.VIE.00.B10	LTD 24KV 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
49	3.46.05.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 1 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	86,00	
50	3.46.10.032.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 32A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	225,00	
51	3.46.10.040.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 40A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	24,00	
52	3.46.10.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	237,00	
53	3.46.10.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 2 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	165,00	
54	3.46.14.050.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 50A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	68,00	
55	3.46.14.063.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 63A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
56	3.46.14.080.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	12,00	
57	3.46.14.100.000.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
58	3.46.14.100.VIE.00.B10	Máy cắt hạ thế (MCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
59	3.46.15.075.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 75A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
60	3.46.15.080.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 80A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
61	3.46.15.100.KOR.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 100A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
62	3.46.15.250.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
63	3.46.15.250.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 250A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
64	3.46.15.400.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
65	3.46.15.400.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 400A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
66	3.46.15.630.FRA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 630A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
67	3.46.15.800.ITA.00.B10	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực 800A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
68	3.53.05.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	5,00	
69	3.53.05.150.VIE.00.B10	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A 5VA CCX 0,5	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
70	3.53.12.771.USA.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00	
71	3.53.12.771.VIE.00.B10	LA 18kV - 10kA	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	10,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
72	3.53.65.000.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
73	3.53.65.013.TUR.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
74	3.53.65.015.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15-30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
75	3.53.65.075.TPE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 75-150/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
76	3.53.65.120.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24KV 100-200/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
77	3.53.65.143.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10-20/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
78	3.53.65.145.VIE.00.B10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20-40/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
79	3.56.60.000.000.00.B10	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
80	3.56.60.016.TPE.00.B10	Biến điện áp TU 12000/120V	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
81	3.62.95.068.VIE.00.B10	Thùng trạm 2 ngăn đứng	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
82	3.62.95.386.VIE.00.B10	THÙNG MCCB TRẠM GIẢN	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
83	4.38.00.030.VIE.00.B10	Bu lông 12x50	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	30,00	
84	4.38.00.063.VIE.00.B10	Bu lông 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	172,00	
85	4.38.00.065.VIE.00.B10	Bu lông 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
86	4.38.00.066.VIE.00.B10	Bu lông 16x350	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
87	4.38.50.008.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x250	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	34,00	
88	4.38.50.009.VIE.00.B10	Bu lông móc 16x300	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
89	4.70.21.018.VIE.00.B10	Long đèn vuông mạ kẽm ĐK 18	Con	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	149,00	
90	4.82.80.009.VIE.00.B10	Giáp niu cấp các loại	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
91	4.82.80.240.VIE.00.B10	GIÁP NÍU CẤP NHÔM BỌC 240MM2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	7,00	
92	8.34.84.028.JPN.00.B10	Thang nhôm rút 5,1m	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
93	8.90.90.048.CHN.00.B10	Bình chữa cháy tự động XZFTB6	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	8,00	
94	3.60.05.020.VIE.00.B10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	144,00	
95	8.90.20.017.TPE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	4,00	
96	8.90.20.017.VIE.00.B10	Dây quang trụ 2 móc có khóa điều chỉnh	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
97	8.90.20.023.TPE.00.B10	Dây an toàn phụ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	

STT	Mã vật tư đang tồn kho trên MMIS	Tên vật tư trên MMIS	ĐVT	Chất lượng	Số lượng	Ghi chú
98	8.90.20.100.TPE. 00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
99	8.90.20.100.VIE. 00.B10	Dây đai lưng	Sợi	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
100	8.90.30.001.VIE. 00.B10	Nón nhựa BHLĐ	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	37,00	
101	4.90.21.114.VIE. 00.B10	Ổng nhựa tròn ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	17,00	
102	4.90.21.140.VIE. 00.B10	Ổng nhựa tròn ĐK 140	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
103	4.90.31.046.VIE. 00.B10	Ổng xoắn ruột gà ĐK 114	Mét	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
104	4.90.80.140.VIE. 00.B10	Co sừng DK 140	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	1,00	
105	3.60.90.100.VIE. 00.B10	Hộp 1 công tơ 1 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	2,00	
106	3.60.90.103.VIE. 00.B10	Hộp 1 công-tơ 3 pha tôn sắt ngoài trời	Cái	Hàng thu hồi không thể sử dụng được	3,00	
107	3.53.65.013.VIE. 00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 10- 20/5A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	
108	3.53.65.015.VIE. 00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 15- 30/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	6,00	
109	3.53.65.145.VIE. 00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 20- 40/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	
110	3.53.65.153.VIE. 00.D10	Biến dòng điện (TI) 24KV 200- 400/5A 10VA epoxy chân không	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	1,00	
111	3.53.65.515.VIE. 00.D10	Biến dòng điện (TI) 24kV 50- 100/5A	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3,00	
112	3.56.60.100.MEX .00.D10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	15,00	
113	3.56.60.100.TUR. 00.D10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	7,00	
114	3.56.60.100.VIE. 00.D10	Biến điện áp (TU) 24KV 12000/100V epoxy vacuum	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	114,00	
115	3.60.05.020.VIE. 00.D10	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	Hàng đề nghị thanh lý	3.909,00	